

Số: 86/2025/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 6995/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025, Báo cáo số 330/BC-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung liên quan đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi từ ngân sách địa phương đối với các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện thông qua các dự án phát triển sản xuất giống.

2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 107/2021/TT-BTC

3. Trong cùng một thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ có hiệu lực thi hành trùng lặp với chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì chỉ áp dụng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi thường xuyên của ngân sách địa phương bố trí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia, giống khác theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn khác để thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác.

Điều 4. Nội dung ngân sách địa phương bảo đảm hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia đối với giống cây nông nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản

1. Ngân sách địa phương đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân các cấp hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, gồm:

a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có.

b) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện nhưng không quá 25 triệu đồng/cây.

c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện nhưng không quá 60 triệu đồng/01ha và chỉ hỗ trợ 01 năm đầu thực hiện.

d) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

đ) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

e) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án

g) Kiểm soát chất lượng giống nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án.

h) Kiểm tra, giám sát thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 703/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

2. Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân các cấp hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện, gồm:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt:

Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống, sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1 nhưng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án.

Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng nhưng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ nhưng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án.

c) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống nhưng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 5. Nội dung ngân sách địa phương bảo đảm hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất đối với giống cây nông nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác:

Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ bằng 70% mức đảm bảo kinh phí, hỗ trợ kinh phí và mức chi tối đa quy định tương ứng tại Điều 4.

Điều 6. Nội dung chi, định mức chi

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và một số quy định cụ thể sau:

1. Đối với hỗ trợ sản xuất giống:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau:

a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản này.

2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án:



a) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học: Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 01 năm 2026:

a) Nghị quyết số 144/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông phê duyệt nội dung và quy định định mức chi được

ngân sách bảo đảm hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

3. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

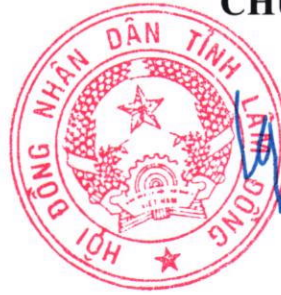
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Khóa X Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận: *ml*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NN và MT, TP;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh Lâm Đồng;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Lâm Đồng;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm hạ tầng và công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh Lâm Đồng;
- Trang Thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

